

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố, công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2025
của trường MN xã Thanh Nura - Huyện Điện Biên**

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số: 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 49/QĐ-PGDĐT, ngày 03/3/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Điện Biên về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc để thực hiện chi sự nghiệp năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2025 của Trường Mầm non xã Thanh Nura (Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu nhà trường, bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Như Điều 3;
- Lưu: KT, VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Tuyết Hương

Đơn vị: Trường MN xã Thanh Nưa
Chương: 622

Biểu số 02

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: ... /QĐ-MNXN ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường MN xã Thanh Nưa)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐV tính: VNĐ

Số TT	Nội dung	KP điều chỉnh giảm	KP điều chỉnh tăng
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	322.621.900	472.476.900
I	Nguồn ngân sách trong nước	322.621.900	472.476.900
1	Chi quản lý hành chính		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	322.621.900	472.476.900
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	322.621.900	472.476.900
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
5	Chi bảo đảm xã hội		
6	Chi hoạt động kinh tế		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
II	Nguồn vốn viện trợ		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài		